

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2020

“V/v: Tranh chấp hôn nhân
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Bà H Michan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thụy Xuân L. Sinh năm 1973.

Trú tại: Đường B, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh L. Sinh năm 1973.

Trú tại: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thụy Xuân L trình bày:

Bà L và ông Lê Thanh L kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Nay do tình cảm yêu thương và hạnh phúc gia đình không còn nên bà L xin ly hôn ông Lê Thanh L.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, ông Lê Thanh L trong bản tự khai trình bày:

Ông L và bà Trịnh Thụy Xuân L kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc.

Nay do tình cảm yêu thương và hạnh phúc gia đình không còn nên ông L cũng đồng ý ly hôn bà Trịnh Thị Xuân L.

+ Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do điều kiện khách quan nên không đến Tòa án tham gia tố tụng được. Nhưng ông L đã có bản tự khai, trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thụy Xuân L; cho bà Trịnh Thụy Xuân L được ly hôn ông Lê Thanh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do điều kiện khách quan nên ông L không đến Tòa án tham gia tố tụng được. Nhưng ông L đã có bản tự khai, trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thụy Xuân L và ông Lê Thanh L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà L và ông L kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 14/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau

nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung khắc. vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay.

Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông L tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu của bà L xin được ly hôn ông L và ý kiến của ông L cũng đồng ý ly hôn bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà L và ông L không có con chung.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Bà L và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà L được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Trần Trọng Hùng đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2019/0005877 ngày 24/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; khoản 1 Điều 227; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trịnh Thụy Xuân L. Cho bà Trịnh Thụy Xuân L được ly hôn ông Lê Thanh L.

2. Về con chung: Bà L và ông L không có con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Bà L và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

4. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bà L được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do ông Trần Trọng Hùng đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2019/0005877 ngày 24/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- UBND phường Tự An;
- Tp. Buôn Ma Thuột.
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Hải

